

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM MEDICINAL REGION INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET NAM MEDICINAL REGION.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109519717

3. Ngày thành lập: 03/02/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 143 Giáp Nhất, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936260875

Fax:

Email: duoclieu6868@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128(Chính)
2.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Trồng cây gia vị hàng năm - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm - Trồng cây hàng năm khác còn lại	0119
3.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: - Sản xuất thuốc - Chế biến dược liệu	2100
4.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
5.	Trồng cây ăn quả	0121
6.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
7.	Trồng cây cà phê	0126
8.	Trồng cây chè	0127
9.	Trồng cây lâu năm khác	0129
10.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
11.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
12.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
13.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
14.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
15.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030

16.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật Chi tiết: Sản xuất dầu, bơ thực vật	1040
17.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
18.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
19.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
20.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
21.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
22.	Sản xuất chè	1076
23.	Sản xuất cà phê	1077
24.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
25.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (Trừ loại nhà nước cấm)	2021
26.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
27.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
28.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
29.	Xây dựng nhà để ở	4101
30.	Xây dựng nhà không để ở	4102
31.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
32.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
33.	Xây dựng công trình điện	4221
34.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
35.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
36.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
37.	Xây dựng công trình thủy Chi tiết: - Xây dựng công trình thủy như: + Đường thủy, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống... + Đập và đê. - Hoạt động nạo vét đường thủy	4291
38.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
39.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
40.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
41.	Phá dỡ	4311
42.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
43.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

44.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa	4322
45.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
46.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
47.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
48.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác - Bán buôn hoa và cây - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	4620
49.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
50.	Bán buôn thực phẩm (Trừ loại nhà nước cấm)	4632
51.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
52.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm	4649
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc	4659
55.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
56.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
57.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
58.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
59.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
60.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
61.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
62.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

63.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh Kinh doanh dược	4772
64.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
65.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
66.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
67.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
70.	Bốc xếp hàng hóa	5224
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển Logistics - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu (Trừ vận tải hàng hóa hàng không)	5229
73.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
74.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
75.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
76.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
77.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư	7020
78.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
79.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
80.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
81.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
82.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
83.	Thu gom rác thải độc hại	3812
84.	Quảng cáo	7310
85.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
86.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110

87.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc; - Thi công xây dựng công trình; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;	7110
88.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
89.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh	8299
91.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ môi giới bất động sản .	6820

6. Vốn điều lệ: 58.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 5.800.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN GIA HIỆP	Thôn Hải Hà, Xã Quỳnh Mỹ, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	290.000	2.900.000.000	5,000	034075003675	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	290.000	2.900.000.000	5,000		
2	NGUYỄN VĂN THÚY	Phước Lộc, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.175.000	21.750.000.000	37,500	034074005953	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.175.000	21.750.000.000	37,500		

3	NGUYỄN HỮU QUỲNH	Số 7 ngõ 2 đường Nguyễn Quốc Trị, Phường Hưng Phúc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.175.0 00	21.750.000.000	37,500	186834913	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.175.0 00	21.750.000.000	37,500		
4	CAO THỊ BÍCH NGỌC	Tổ 12, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.160.0 00	11.600.000.000	20,000	0401830003 74	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.160.0 00	11.600.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN GIA HIỆP

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *26/08/1975*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *034075003675*

Ngày cấp: *27/06/2016*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Hải Hà, Xã Quỳnh Mỹ, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Hải Hà, Xã Quỳnh Mỹ, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội